

Số: **10** /2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **19** tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch
trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày
18 tháng 6 năm 2009;*

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn
hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đưa vào danh
mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ
sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật
Du lịch;*

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý thẩm định cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt chuẩn phục vụ khách du lịch;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII - Kỳ họp thứ 21 (Chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 4 năm 2021./.

Nơi nhận: **tt**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Pháp chế của HĐND tỉnh (kiểm tra văn bản);
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, VH-XH.

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quỳnh Khánh



QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **10**/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái, bao gồm cả các doanh nghiệp ngoài tỉnh (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có đăng ký hoạt động kinh doanh và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

b) Các cơ quan Nhà nước có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Trong một thời điểm nếu có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ từ Nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ, thì đối tượng hỗ trợ được lựa chọn hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

2. Trường hợp một tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau của chính sách khuyến khích phát triển du lịch thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ điều kiện. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ không quá 01 lần cho một chính sách hỗ trợ khi bảo đảm các điều kiện hỗ trợ theo quy định.

3. Đối với những dự án thực hiện đầu tư xây dựng mới, các tổ chức, cá nhân phải đăng ký từ khi bắt đầu xây dựng dự án để hưởng các chính sách hỗ trợ.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ HẠ TẦNG DU LỊCH

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông kết nối các địa điểm có hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các công trình đường giao thông nông thôn tại các khu vực, địa điểm có hoạt động du lịch; đường giao thông kết nối địa điểm có hoạt động du lịch đến quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái có nhu cầu đầu tư xây dựng, nâng cấp;

b) Có quy mô xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND). Trường hợp công trình đường giao thông nông thôn có quy mô khác với quy định tại Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bảo đảm theo quy định của pháp luật;

c) Các tổ chức, cá nhân đăng ký được hỗ trợ có cam kết thực hiện hoạt động du lịch tối thiểu 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

2. Cơ chế và kinh phí hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở kinh doanh thương mại đạt tiêu chuẩn, bán các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP của tỉnh Yên Bái phục vụ khách du lịch

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện xây mới cơ sở kinh doanh thương mại đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; cơ sở kinh doanh có tổng diện tích sàn xây dựng từ 100m² trở lên, có bãi đỗ xe thuận tiện;

b) Đảm bảo các điều kiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; có danh sách niêm yết các mặt hàng, trong đó 80% mặt hàng là sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, quà tặng du lịch, quà tặng lưu niệm của tỉnh Yên Bái.

2. Mức hỗ trợ: 30% trên tổng kinh phí xây dựng, tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư, khi công trình được đầu tư, hoàn thiện, đưa vào sử dụng, được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch và các cơ quan có liên quan thẩm định đạt tiêu chuẩn, yêu cầu khác theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị; đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các hộ gia đình có nhà ở được thiết kế, xây dựng theo kiến trúc truyền thống của địa phương, đang kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh mới dịch vụ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (sau đây gọi tắt là Homestay), tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thuộc nhóm “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch” giai đoạn 2021-2025 và đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao trở lên; việc xây dựng nhà ở không vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng;

b) Dịch vụ Homestay đáp ứng phục vụ tối thiểu 20 khách du lịch/ngày;

c) Các hộ gia đình chưa được hưởng các hình thức hỗ trợ khác từ các chương trình, đề án về phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh;

d) Có phương án và hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị Homestay;

đ) Có phương án và hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; chất lượng nước sau khi xử lý được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, công nhận đạt quy chuẩn hiện hành;

e) Không áp dụng chính sách đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch đối với các hộ gia đình ở các khu vực đã có nguồn nước theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối với các hộ gia đình bảo đảm các điều kiện tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, khoản 1 Điều này được hỗ trợ một lần kinh phí để mua sắm trang thiết bị tối thiểu đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định. Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng không quá 30 triệu đồng/hộ gia đình;

b) Đối với các hộ gia đình bảo đảm các điều kiện tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e, khoản 1 Điều này được hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình.

3. Cơ chế hỗ trợ: Sau khi các hộ gia đình hoàn thiện việc đầu tư trang thiết bị hoặc đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch, được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư mua sắm thiết bị thu gom rác thải tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng

1. Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, thôn (bản) tại các địa điểm có hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng với quy mô số lượng khách du lịch bình quân từ 80 khách/ngày trở lên trong điều kiện bình thường; chưa được hưởng hỗ trợ nội dung tương tự từ các chính sách, đề án hỗ trợ phát triển du lịch khác trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị thu gom rác thải; mức hỗ trợ tính theo chi phí thực tế nhưng không quá 60 triệu đồng/tổ chức, thôn (bản) tại địa điểm có hoạt động du lịch.

3. Cơ chế hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện hồ sơ đề nghị. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ.

Điều 8. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các khu trung tâm và các địa điểm có hoạt động du lịch

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch tại các khu vực trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, các địa điểm có hoạt động du lịch, trạm dừng nghỉ dọc các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh Yên Bái, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được công nhận cấp tỉnh trở lên, thu hút bình quân 80 khách/ngày trở lên trong điều kiện bình thường;

b) Việc đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng đảm bảo phù hợp với điều kiện địa hình, không vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng;

c) Thiết kế nhà vệ sinh công cộng phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định hiện hành;

d) Không thực hiện chính sách hỗ trợ này đối với các thôn (bản), các địa điểm đã có nhà đầu tư dự án phát triển du lịch.

2. Mức hỗ trợ: Tính theo kinh phí xây dựng thực tế nhưng không quá 200 triệu đồng/thôn (bản) hoặc địa điểm có hoạt động du lịch.

3. Cơ chế hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp hồ sơ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ;

b) Khi khối lượng xây dựng đạt 60%, được giải ngân 50% mức vốn hỗ trợ; khi khối lượng công việc xây dựng hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, được giải ngân 50% mức vốn hỗ trợ còn lại.

Mục 2

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH VÀ HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN, QUẢNG BÁ DU LỊCH

Điều 9. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Lao động trong ngành du lịch trên địa bàn tỉnh chưa có đầy đủ các kỹ năng phục vụ, vận hành trong hoạt động du lịch có nhu cầu được đào tạo để hoàn thiện kỹ năng;

b) Lực lượng lao động nông thôn tại các huyện, thị xã, thành phố có các địa điểm hoạt động du lịch có nhu cầu được đào tạo kỹ năng nghề du lịch để tham gia hoạt động du lịch;

c) Học viên có cam kết sau khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn do tỉnh tổ chức về kỹ năng nghề du lịch phải tham gia làm việc tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh ít nhất là 18 tháng kể từ khi kết thúc lớp bồi dưỡng, tập huấn.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch; Marketing du lịch; kỹ năng lễ tân, buồng bàn; kỹ năng phục vụ du lịch cộng đồng. Mỗi lớp bồi dưỡng, tập huấn tối thiểu 50 học viên, thời gian tập huấn 10 ngày. Mức hỗ trợ không quá 75 triệu đồng/lớp;

b) Hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng hướng dẫn viên du lịch; kỹ năng phục vụ nhà hàng; kỹ năng vận hành cơ sở lưu trú vừa và nhỏ. Mỗi lớp bồi dưỡng, tập huấn tối thiểu 50 học viên, thời gian tập huấn 08 ngày. Mức hỗ trợ không quá 65 triệu đồng/lớp;

c) Hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn ngoại ngữ giao tiếp. Mỗi lớp tối thiểu 20 học viên, thời gian tập huấn tối thiểu 30 ngày. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/lớp.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hằng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ sở có chức năng đào tạo kỹ năng nghề du lịch đăng ký và xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực du lịch tham gia hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch ngoài tỉnh được đơn vị tổ chức hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch gửi thư mời;

b) Có kế hoạch và dự toán kinh phí tham gia hoạt động xúc tiến, quảng bá về du lịch, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: 50% trên tổng kinh phí tham gia hoạt động xúc tiến quảng bá nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức/một lần tham gia; hỗ trợ không quá 05 tổ chức/năm.

3. Cơ chế hỗ trợ: Hằng năm, các tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực du lịch xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tham gia hoạt động xúc tiến, quảng bá về du lịch, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, đề xuất hỗ trợ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Mục 3

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN DU LỊCH

Điều 11. Hỗ trợ kinh phí thành lập và duy trì hoạt động đội văn nghệ quần chúng phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đội văn nghệ quần chúng đang hoạt động hoặc thành lập mới tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng, có quy mô từ 08 người trở lên là người dân bản địa, sinh sống và làm việc hợp pháp tại địa phương, được Ủy ban nhân dân xã công nhận theo quy định hiện hành;

b) Đội văn nghệ quần chúng chưa được hưởng các hình thức hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển du lịch khác trên địa bàn tỉnh;

c) Đội văn nghệ phải duy trì hoạt động thường xuyên tối thiểu 02 lần/tháng với mục đích bảo tồn văn hóa truyền thống, phục vụ phát triển du lịch;

d) Trang phục, đạo cụ biểu diễn được chế tác theo phương thức truyền thống và phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa truyền thống tại địa phương.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần kinh phí thành lập đội văn nghệ nhóm I, có bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc Mông, Dao đỏ, Phù Lá. Mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/đội;

b) Hỗ trợ một lần kinh phí thành lập mới đội văn nghệ nhóm II, có bản sắc văn hóa các dân tộc khác. Mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/đội;

c) Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động hàng năm cho các đội văn nghệ. Mức hỗ trợ 03 triệu đồng/đội.

3. Cơ chế hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp hồ sơ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Hỗ trợ lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn có tiềm năng phát triển du lịch

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Di sản văn hóa phi vật thể có đủ các tiêu chí di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định;

b) Hồ sơ khoa học đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 11 Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các quy định có liên quan.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần kinh phí/hồ sơ đề nghị. Mức hỗ trợ căn cứ vào từng hồ sơ cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nhưng không quá 250 triệu đồng/hồ sơ.

3. Cơ chế hỗ trợ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập hồ sơ khoa học, xây dựng dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 13. Hỗ trợ truyền dạy trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Người truyền dạy là Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh, "Nghệ nhân nhân dân" hoặc "Nghệ nhân ưu tú" do Chủ tịch nước phong tặng;

b) Người được truyền dạy (người học) là người dân bản địa, sinh sống, làm việc hợp pháp tại các địa phương trong tỉnh; mỗi người học chỉ được tham gia một lần đối với một nội dung truyền dạy;

c) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch mở lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ về địa điểm và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Mỗi lớp đào tạo tối thiểu 10 người trong thời gian 03 tháng. Mức hỗ trợ không quá 45 triệu đồng/lớp.

3. Cơ chế hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Hỗ trợ duy trì, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập tại các làng nghề, làng nghề truyền thống (sau đây viết tắt là làng nghề). Làng nghề có vị trí thuận lợi, đáp ứng đủ các điều kiện phục vụ khách du lịch tới tham quan, trải nghiệm;

b) Hợp tác xã có tối thiểu 10 thành viên; tổ hợp tác có tối thiểu 05 thành viên. Các thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác là đại diện cho các hộ gia đình khác nhau và phải trực tiếp tham gia hoạt động ngành nghề của làng nghề;

c) Hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật, đã hoạt động ổn định từ 03 tháng trở lên và thường xuyên tổ chức hoạt động cho du khách trải nghiệm;

d) Hợp tác xã, tổ hợp tác có nhu cầu hỗ trợ kinh phí phải có phương án, dự toán kinh phí đầu tư về cơ sở vật chất và chi phí vận hành để duy trì, phát triển hoạt động phục vụ du lịch và chưa được hưởng các hình thức hỗ trợ từ chính sách, chương trình, dự án khác về phát triển du lịch.

2. Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/hợp tác xã; 20 triệu đồng/tổ hợp tác.

3. Cơ chế hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp hồ sơ đề nghị. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Ngoài chính sách này hợp tác xã, tổ hợp tác tại các làng nghề vẫn được hưởng các chính sách khác về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo các quy định của Trung ương, của tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.